

**CÔNG TY TNHH T2D VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH T2D VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM T2D COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VN T2D CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109954981

**3. Ngày thành lập:** 04/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19, Tổ 3, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912874868

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390     |
| 5.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                      | 4520     |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                  | 4530     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                               | 4543     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                              | 4610     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ Dịch vụ lấy lại tài sản; Hoạt động đấu giá độc lập) | 8299     |
| 13. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511     |
| 14. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                 | 9522     |
| 15. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                               | 9524     |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                      | 7410     |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                   | 4690     |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                      | 4933     |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                    | 5210     |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                            | 5221     |

|     |                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận, vận chuyển | 5229        |
| 22. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                       | 8130        |
| 23. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                  | 3312        |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                      | 3314        |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                     | 3320        |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                           | 4101        |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                     | 4102        |
| 28. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                               | 4211        |
| 29. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                | 4212        |
| 30. | Xây dựng công trình điện                                                                                    | 4221        |
| 31. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                         | 4222        |
| 32. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                          | 4223        |
| 33. | Xây dựng công trình thủy                                                                                    | 4291        |
| 34. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                             | 4292        |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                  | 4299        |
| 36. | Phá dỡ                                                                                                      | 4311        |
| 37. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                           | 4312        |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(Chi tiết: lắp đặt và bảo trì hệ thống điện)                                       | 4321(Chính) |
| 39. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh      | 4741        |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh        | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ TU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040092037682

Ngày cấp: 05/01/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Sơn Thanh, Xã Hùng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Sơn Thanh, Xã Hùng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội